

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt phân bổ chi tiết vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương
hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2024
trên địa bàn tỉnh.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định 48/2022/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ xã xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025

Theo Văn bản số 7013/BNN-VPĐP ngày 29/9/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc dự kiến mức vốn sự nghiệp nguồn NSTW thực hiện chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2024 và năm 2025;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 4104/SNN-NTM ngày 29/11/2023, đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 3932/STC-QLNS ngày 29/11/2023 và đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 3299/SKHĐT-KTN ngày 29/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phân bổ chi tiết vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương hỗ trợ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024, trên địa bàn tỉnh, với tổng kinh phí **31.730 triệu đồng**. Chi tiết có Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan đề xuất phân bổ chi tiết vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương hỗ trợ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2025, trên địa bàn tỉnh vào thời điểm thích hợp.

- Giao các Sở, ngành, đơn vị có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm kết hợp nguồn vốn được giao nêu trên với các nguồn vốn khác để triển khai hiệu quả Chương trình MTQG trên địa bàn.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương và Xã hội, Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố,

Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, K19



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

PHỤ LỤC
DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
KẾ HOẠCH NĂM 2024 CỦA CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Nội dung	Dự kiến kế hoạch năm 2024		Đầu mối giao kế hoạch vốn	Ghi chú
		Hệ số phân bổ vốn	Vốn phân bổ		
<u>TỔNG CỘNG</u>			<u>31.730,0</u>		
I	Hỗ trợ xã nông thôn mới		22.030,0		
1	Thành phố Quy Nhơn				
1	Xã Nhơn Lý	1,0	210,0	UBND thành phố Quy Nhơn	
2	Xã Phước Mỹ	1,0	210,0		
3	Xã Nhơn Châu	1,0	210,0		
4	Xã Nhơn Hải	1,0	210,0		
5	Chi phí quản lý chương trình		30,0		
2	Huyện Vân Canh				
1	Xã Canh Vinh	1,0	210,0	UBND huyện Vân Canh	
2	Xã Canh Hiến	1,0	200,0		
3	Xã Canh Thuận		-		Xã ĐBKK nên không hỗ trợ theo quy định
4	Xã Canh Hòa		-		Xã ĐBKK nên không hỗ trợ theo quy định
5	Xã Canh Hiệp				Xã ĐBKK nên không hỗ trợ theo quy định
6	Xã Canh Liên				Xã ĐBKK nên không hỗ trợ theo quy định

TT	Nội dung	Dự kiến kế hoạch năm 2024		Đầu mối giao kế hoạch vốn	Ghi chú
		Hệ số phân bổ vốn	Vốn phân bổ		
7	Chi phí quản lý chương trình		40,0	UBND huyện Vân Canh	
3	Huyện Tuy Phước				
1	Xã Phước Lộc		-		Đưa ra khỏi diện xây dựng nông thôn mới vì đã được UBND tỉnh công nhận là đô thị loại V (Theo QĐ số 2265/QĐ-UBND ngày 22/6/2023)
2	Xã Phước Hòa		-		Đưa ra khỏi diện xây dựng nông thôn mới vì đã được UBND tỉnh công nhận là đô thị loại V (Theo QĐ số 2265/QĐ-UBND ngày 22/6/2023)
3	Xã Phước An	1,0	210,0	UBND huyện Tuy Phước	
4	Xã Phước Nghĩa	1,0	210,0		
5	Xã Phước Hưng	1,0	210,0		
6	Xã Phước Thành	1,0	210,0		
7	Xã Phước Quang	1,0	210,0		
8	Xã Phước Hiệp	1,0	210,0		
9	Xã Phước Sơn	1,0	210,0		
10	Xã Phước Thuận	1,0	210,0		
11	Xã Phước Thắng	1,0	210,0		
12	Chi phí quản lý chương trình		40,0		

TT	Nội dung	Dự kiến kế hoạch năm 2024		Đầu mối giao kế hoạch vốn	Ghi chú
		Hệ số phân bổ vốn	Vốn phân bổ		
4	Thị xã An Nhơn				
1	Xã Nhơn Lộc	1,0	210,0	UBND thị xã An Nhơn	
2	Xã Nhơn An	1,0	210,0		
3	Xã Nhơn Phúc	1,0	210,0		
4	Xã Nhơn Thọ	1,0	210,0		
5	Xã Nhơn Phong	1,0	210,0		
6	Xã Nhơn Khánh	1,0	210,0		
7	Xã Nhơn Mỹ	1,0	210,0		
8	Xã Nhơn Hậu	1,0	210,0		
9	Xã Nhơn Hạnh	1,0	210,0		
10	Xã Nhơn Tân	1,0	210,0		
11	Chi phí quản lý chương trình		30,0		
5	Huyện Tây Sơn				
1	Xã Tây Thuận	1,0	210,0	UBND huyện Tây Sơn	
2	Xã Bình Hòa	1,0	210,0		
3	Xã Bình Tường	1,0	210,0		
4	Xã Tây Xuân	1,0	210,0		
5	Xã Bình Nghi	1,0	210,0		
6	Xã Bình Thuận	1,0	210,0		
7	Xã Tây An	1,0	210,0		
8	Xã Tây Bình	1,0	210,0		
9	Xã Tây Vinh	1,0	210,0		
10	Xã Tây Phú	1,0	210,0		
11	Xã Bình Thành	1,0	210,0		

TT	Nội dung	Dự kiến kế hoạch năm 2024		Đầu mối giao kế hoạch vốn	Ghi chú
		Hệ số phân bổ vốn	Vốn phân bổ		
12	Xã Bình Tân	1,0	210,0		
13	Xã Tây Giang	1,0	210,0		Bổ sung vào diện xã nông thôn mới theo QĐ số 4073/QĐ-UBND ngày 4/11/2023
14	Xã Vĩnh An		-		Xã ĐBKK nên không hỗ trợ theo quy định
15	Chi phí quản lý chương trình		40,0	UBND huyện Tây Sơn	
6	Huyện Vĩnh Thạnh				
1	Xã Vĩnh Quang	1,0	210,0	UBND huyện Vĩnh Thạnh	
2	Xã Vĩnh Hảo	3,0	630,0		
3	Xã Vĩnh Thịnh	5,0	1.050,0		
4	Xã Vĩnh Hiệp		-		Xã ĐBKK nên không hỗ trợ theo quy định
5	Xã Vĩnh Thuận		-		Xã ĐBKK nên không hỗ trợ theo quy định
6	Xã Vĩnh Hòa		-		Xã ĐBKK nên không hỗ trợ theo quy định
7	Xã Vĩnh Sơn		-		Xã ĐBKK nên không hỗ trợ theo quy định
8	Xã Vĩnh Kim		-		Xã ĐBKK nên không hỗ trợ theo quy định
9	Chi phí quản lý chương trình		40,0	UBND huyện Vĩnh Thạnh	
7	Huyện Phù Cát				

TT	Nội dung	Dự kiến kế hoạch năm 2024		Đầu mối giao kế hoạch vốn	Ghi chú
		Hệ số phân bổ vốn	Vốn phân bổ		
1	Xã Cát Khánh		-		Đưa ra khỏi diện xây dựng nông thôn mới vì đã được UBND tỉnh công nhận là đô thị loại V (Theo QĐ số 2265/QĐ-UBND ngày 22/6/2023)
2	Xã Cát Trinh	1,0	210,0	UBND huyện Phù Cát	
3	Xã Cát Tài	1,0	210,0		
4	Xã Cát Hiệp	1,0	210,0		
5	Xã Cát Hạnh	1,0	210,0		
6	Xã Cát Lâm	1,0	210,0		
7	Xã Cát Hưng	1,0	210,0		
8	Xã Cát Tường	1,0	210,0		
9	Xã Cát Tân	1,0	210,0		
10	Xã Cát Nhơn	1,0	210,0		
11	Xã Cát Thành	1,0	210,0		
12	Xã Cát Minh	1,0	210,0		
13	Xã Cát Sơn	1,0	210,0		
14	Xã Cát Thắng	1,0	210,0		
15	Xã Cát Hải	1,0	210,0		
16	Xã Cát Chánh	1,0	210,0		
17	Chi phí quản lý chương trình		40,0		
8	Huyện Phù Mỹ				
1	Xã Mỹ Hiệp	1,0	210,0		
2	Xã Mỹ Lộc	1,0	210,0		

TT	Nội dung	Dự kiến kế hoạch năm 2024		Đầu mối giao kế hoạch vốn	Ghi chú	
		Hệ số phân bổ vốn	Vốn phân bổ			
3	Xã Mỹ Hòa	1,0	210,0	UBND huyện Phù Mỹ		
4	Xã Mỹ Tài	1,0	210,0			
5	Xã Mỹ Trinh	1,0	210,0			
6	Xã Mỹ Quang	1,0	210,0			
7	Xã Mỹ Châu	1,0	210,0			
8	Xã Mỹ Cát	1,0	210,0			
9	Xã Mỹ Thọ	1,0	210,0			
10	Xã Mỹ Chánh Tây	1,0	210,0			
11	Xã Mỹ Phong	1,0	210,0			
12	Xã Mỹ Lợi	1,0	210,0			
13	Xã Mỹ Thành	1,0	210,0			
14	Xã Mỹ Đức	1,0	210,0			
15	Xã Mỹ Thắng	1,0	210,0			
16	Xã Mỹ An	1,0	210,0			
17	Xã Mỹ Chánh	1,0	210,0			Bổ sung vào diện xã nông thôn mới theo QĐ số 4073/QĐ-UBND ngày 4/11/2023
18	Chi phí quản lý chương trình		40,0			
9	Huyện Hoài Ân					
1	Xã Ân Thạnh	1,0	210,0			
2	Xã Ân Phong	1,0	210,0			
3	Xã Ân Tường Tây	1,0	210,0			
4	Xã Ân Đức	1,0	210,0			

TT	Nội dung	Dự kiến kế hoạch năm 2024		Đầu mối giao kế hoạch vốn	Ghi chú
		Hệ số phân bổ vốn	Vốn phân bổ		
5	Xã Ân Tín	1,0	210,0	UBND huyện Hoài Ân	
6	Xã Ân Mỹ	1,0	210,0		
7	Xã Ân Hảo Đông	1,0	210,0		
8	Xã Ân Tường Đông	1,0	210,0		
9	Xã Ân Nghĩa	1,0	210,0		
10	Xã Ân Hữu	3,0	630,0		
11	Xã Ân Hảo Tây	5,0	1.050,0		
12	Xã Ân Sơn		-		Xã ĐBKK nên không hỗ trợ theo quy định
13	Xã Đak Mang		-		Xã ĐBKK nên không hỗ trợ theo quy định
14	Xã Bok Tới		-		Xã ĐBKK nên không hỗ trợ theo quy định
15	Chi phí quản lý chương trình		40,0	UBND huyện Hoài Ân	
10	Thị xã Hoài Nhơn				
1	Xã Hoài Châu	1,0	210,0	UBND thị xã Hoài Nhơn	
2	Xã Hoài Sơn	1,0	210,0		
3	Xã Hoài Châu Bắc	1,0	210,0		
4	Xã Hoài Phú	1,0	210,0		
5	Xã Hoài Mỹ	1,0	210,0		
6	Xã Hoài Hải	1,0	210,0		
7	Chi phí quản lý chương trình		30,0		
11	Huyện An Lão				

TT	Nội dung	Dự kiến kế hoạch năm 2024		Đầu mối giao kế hoạch vốn	Ghi chú
		Hệ số phân bổ vốn	Vốn phân bổ		
1	Xã An Hòa		-		Đưa ra khỏi diện xây dựng nông thôn mới vì đã được UBND tỉnh công nhận là đô thị loại V (Theo QĐ số 2265/QĐ-UBND ngày 22/6/2023)
2	Xã An Tân	1,0	210,0	UBND huyện An Lão	
3	Xã An Trung		-		Xã ĐBKK nên không hỗ trợ theo quy định
4	Xã An Hưng		-		Xã ĐBKK nên không hỗ trợ theo quy định
5	Xã An Quang		-		Xã ĐBKK nên không hỗ trợ theo quy định
6	Xã An Vinh		-		Xã ĐBKK nên không hỗ trợ theo quy định
7	Xã An Nghĩa		-		Xã ĐBKK nên không hỗ trợ theo quy định
8	Xã An Dũng		-		Xã ĐBKK nên không hỗ trợ theo quy định
9	Xã An Toàn		-		Xã ĐBKK nên không hỗ trợ theo quy định
10	Chi phí quản lý chương trình		40,0	UBND huyện An Lão	

TT	Nội dung	Dự kiến kế hoạch năm 2024		Đầu mối giao kế hoạch vốn	Ghi chú
		Hệ số phân bổ vốn	Vốn phân bổ		
B	Hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (Các chương trình chuyên đề, đào tạo nghề lao động nông thôn, nâng cao chất lượng, phát huy vai trò các tổ chức chính trị - xã hội, tuyên truyền, tập huấn, chi phí quản lý ...)		9.700,0	*	

Ghi chú:

(*): Giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan đề xuất phân bổ chi tiết trình UBND tỉnh